

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2024

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

2. Ông Cao Đình Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hoàng – Cán bộ Tòa án N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2024/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về vụ việc: “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Trường T, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Lê Anh T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T có mặt, ông T có đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Phan Trường T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 26/4/2016 bà và ông T đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn N hoàn toàn tự nguyện có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã B, huyện Đ. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N do thường xuyên cãi vã từ những chuyện nhỏ dẫn đến dần hết tình cảm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không ai còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn N không đạt được, bà không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với ông T nên bà yêu cầu ly hôn ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Hoàng N, sinh ngày 25/01/2017. Khi ly hôn bà yêu cầu được con chung cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 25/01/2017 cho đến ngày thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về T sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bị đơn ông Lê Anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn N: Ngày 26/4/2016 bà T và ông đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn N hoàn toàn tự nguyện có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã B, huyện Đ. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N do thường xuyên cãi vã từ những chuyện nhỏ dẫn đến dần hết tình cảm. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Hoàng N, sinh ngày 25/01/2017. Khi ly hôn bà T yêu cầu được con chung cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 25/01/2017 cho đến ngày thành niên thì ông T đồng ý và ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về T sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Trương T, xử cho bà Phan Trương T với ông Lê Anh T ly hôn. Giao bà Phan Trương T nuôi con chung cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 25/01/2017 cho đến ngày thành niên và ông Lê Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” giữa nguyên đơn bà Phan Trương T và bị đơn ông Lê Anh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Anh T có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Lê Anh T.

[2] Về quan hệ hôn N: Xét thấy hôn N giữa bà T và ông T là hoàn toàn tự

nguyên, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã B, huyện Đ ngày 26/4/2016. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã từ những chuyện nhỏ dẫn đến dần hết tình cảm vợ chồng, không có sự tin tưởng nhau, không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống không thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, mặc dù đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mạnh ai nấy sống, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm lẫn nhau và không có trách nhiệm đối với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian không sống chung với nhau bà là người trực tiếp nuôi cháu Lê Hoàng N. Ông T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy, hôn N giữa bà T và ông T tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn N không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn N ông T và bà T có 01 con chung là Lê Hoàng N, sinh ngày 25/01/2017. Khi ly hôn bà yêu cầu được con chung cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 25/01/2017 cho đến ngày thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T cũng đồng ý giao con cho bà T nuôi con chung, hiện nay con chung đang ở với bà T. Mặt khác, nguyện vọng của cháu N cũng muốn ở với bà T nên cần giao cháu N cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, giao bà T nuôi con chung cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 25/01/2017 cho đến ngày thành niên là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về T sản chung và nợ chung: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bà Phan Trường T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn N: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Trường T, xử bà Phan Trường T với ông Lê Anh T ly hôn.

- Về con chung: Giao bà Phan Trường T nuôi con chung cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 25/01/2017 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn N và gia đình.

- Về cấp dưỡng: Ông Lê Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Buộc bà Phan Trường T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà Phan Trường T đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003546 ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà Phan Trường T đã nộp đủ án phí hôn N và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Phan Trường T có quyền kháng cáo để Tòa án N dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông Lê Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Số 27, ngày 26/4/2016;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vũ